

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

nhân, lấy chỗ dựa tinh thần cho các con, nhưng mâu thuẫn không khắc phục được và ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù sống chung nhà, nhưng vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch để hai bên còn ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: chị Th và anh Ch có 03 con chung là cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 20/9/2014, cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 11/6/2017 và cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 28/6/2019. Khi ly hôn do chị bị bệnh nhược cơ nặng không có khả năng lao động và khả năng chăm sóc con, chị Th đề nghị anh Ch là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung khi ly hôn, vì chị không có việc làm, không có thu nhập nên chị Th không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con được cho anh Ch.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị Th xác định vợ chồng tự giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Nguyễn Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Ch xác nhận anh, chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã KT, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình vào ngày 12/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống và làm ăn cùng gia đình nhà anh tại xóm 2 - Lam Sơn, xã KT, huyện Yên Mô. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh Ch cũng xác nhận vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, do công việc của anh thường xuyên phải xa nhà nên vợ chồng phát sinh nghi kỵ do thiếu lòng tin, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh, anh Ch nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không vượt qua được nghi kỵ và thiếu tôn trọng nhau, nên anh đồng ý ly hôn chị Th.

Về con chung: anh Ch xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 20/9/2014, cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 11/6/2017 và cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 28/6/2019 như chị Th trình bày là đúng. Hiện nay cả 03 cháu đều đang ở cùng anh và gia đình anh, khi ly hôn do chị Th bị bệnh nặng (suy nhược cơ), thường xuyên phải đi bệnh viện trên Hà Nội để điều trị và sức khỏe yếu, việc chăm sóc các con gặp nhiều khó khăn, anh Ch đề nghị giao cả 03 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ch không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản và nợ chung: anh Ch và chị Th tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Ch có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tại bản trình bày ý kiến, cháu Nguyễn Hương T và cháu Nguyễn Phúc T1
đều trình bày: Trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu đều muốn được ở với bố là anh Nguyễn Văn Ch

Tại biên bản xác minh của Tòa án, ông Nguyễn Văn C (bố đẻ anh C)
cung cấp: anh Ch là con trai ông, có kết hôn với chị Th vào năm 2014, sau khi kết hôn anh Ch chị Th chung sống cùng gia đình ông. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng là vào năm 2019, mặc dù anh Ch chị Th vẫn sống chung cùng gia đình ông nhưng sống ly thân. Sau khi biết mâu thuẫn của vợ chồng anh Ch thì hai bên gia đình đã khuyên giải, động viên anh Ch chị Th nhưng không thành. Về con chung: anh Ch và chị Th có 03 con chung là cháu Nguyễn Hương T, cháu Nguyễn Phúc T1, và cháu Nguyễn Phúc K. Hiện nay các cháu đều đang sống cùng anh Ch và gia đình ông. Về tài sản chung: anh Ch, chị Th sinh sống cùng gia đình ông nên không có tài sản chung. Ông C được biết, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh Ch đã có bản tự khai với nội dung anh đồng ý ly hôn chị Th và có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch, ông Chinh cũng cung cấp chị Th bị bệnh nhược cơ nặng ốm đau thường xuyên, không lao động được. Ông C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, ông Nguyễn Văn B – Trưởng xóm 2
LS cung cấp: anh Ch, chị Th đều là người địa phương có kết hôn với nhau vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Ch, chị Th sống và làm ăn cùng gia đình anh Ch tại xóm 2 - LS, xã KT. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo địa phương được biết chị Th sau khi sinh cháu thứ 3 thì mắc bệnh nhược cơ dẫn đến thường xuyên phải đi bệnh viện điều trị, anh Ch làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà dẫn đến vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm, thường xuyên cãi chửi nhau. Ngoài nguyên nhân này ra thì có nguyên nhân nào khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền thôn xóm không biết. Sau khi biết chuyện, chính quyền thôn xóm có đến gặp gỡ khuyên bảo, động viên anh Ch, chị Th nhưng không thành. Về con chung: anh Ch, chị Th có 03 con chung là cháu Nguyễn Hương T, cháu Nguyễn Phúc T1, và cháu Nguyễn Phúc K, các cháu đều đang ở cùng gia đình anh Ch và gia đình ông C (bố đẻ anh Ch). Về công việc và tài sản: anh Ch làm nghề lái xe cho tư nhân nên thu nhập cụ thể thế nào địa phương không biết; còn Chị Th thì bị bệnh nhược cơ nên không lao động nặng được, có làm thêm công việc nhẹ nào khác để có thêm thu nhập hay không thì địa phương không biết. Nay chị Th có đơn xin ly hôn anh Ch, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn

đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Nguyễn Văn Ch. Giao cả 03 con chung là cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 20/9/2014, cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 11/6/2017 và cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 28/6/2019 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ch; chị Th có quyền thăm nom con chung. Về án phí, chị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm 2 LS, xã KT, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Th có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2014 tại UBND xã KT, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa chị Th và anh Ch chung sống với nhau một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trở nên trầm trọng, dù sống chung nhà nhưng vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Ch là phù hợp.

[3] Về con chung: chị Th, anh Ch có 03 con chung là cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 20/9/2014, cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 11/6/2017 và cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 28/6/2019. Hiện nay cả 03 con chung đang ở cùng anh Ch. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh Ch xác nhận và thống nhất với nhau trường hợp vợ chồng ly hôn anh Ch sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, anh Ch không yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh. Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện chị Th giữ nguyên quan điểm khi ly hôn chị đồng ý để anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, vì hiện nay chị bị bệnh nhược cơ toàn thân (chị Th đã cung cấp bệnh án lưu trong hồ sơ vụ án) không thể chăm sóc con cái được và chị không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con được cho anh Ch.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị Th và anh Ch là phù hợp với nhau và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, do đó cần được tôn trọng. Để các cháu có môi trường phát triển một cách toàn diện cả về thể chất và tinh thần sau khi cha mẹ ly hôn, cần giao cả 03 con chung cho anh Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; đồng thời không yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch là phù hợp với ý chí, nguyện vọng của cả hai bên và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị Th, anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của chị Th được chấp nhận, nên chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch.
2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 20/9/2014, cháu Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 11/6/2017 và cháu Nguyễn Phúc K, sinh ngày 28/6/2019 cho anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ch.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0001596 ngày 25/4/2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô; chị Th đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện Yên Mô;
- THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Ngọc Hưng